

UBND PHƯỜNG TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS HOÀNG HOA THÁM
NHÓM TOÁN 6

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN TOÁN 6

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1) Phần số học:

- Tính toán với phân số và số thập phân.
- Bài toán về giá trị phân số của một số, tìm một số khi biết giá trị phân số của nó.
- Một số bài toán về làm tròn số thập phân và ước lượng kết quả.

2) Phần hình học:

- Vẽ đoạn thẳng, đường thẳng, tia. Điểm nằm giữa hai điểm.
- Đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. Trung điểm đoạn thẳng.
- Xác định hình có tâm đối xứng, hình có trục đối xứng.

II. CẤU TRÚC ĐỀ

Tự luận 100% trong đó khoảng:

- +) 50% liên quan đến phân số, số thập phân.
- +) 50% liên quan đến hình học phẳng và hình học trực quan.

III. BÀI TẬP GỢI Ý

DẠNG 1: THỰC HIỆN PHÉP TÍNH

Bài 1: Thực hiện phép tính:

a) $\frac{4}{3} + \frac{5}{6} - \frac{11}{12}$

b) $\frac{-3}{8} - \frac{2}{5} + \frac{1}{2}$

c) $\frac{-5}{12} + \frac{7}{12} - \frac{1}{12}$

d) $\frac{4}{5} + \frac{-7}{20} - \frac{11}{4}$

e) $\frac{5}{9} - \frac{1}{12} + \frac{3}{4}$

f) $\frac{4}{3} + \frac{5}{6} - \frac{11}{12}$

Bài 2: Thực hiện phép tính:

a) $2\frac{1}{9} + \frac{-3}{2} : \frac{9}{10}$

b) $0,75 + \frac{4}{5} \cdot \frac{15}{16} - 1\frac{1}{4}$

c) $\frac{-5}{6} : \left(\frac{-3}{2} + 2\frac{1}{4} \right)$

d) $\left(\frac{1}{5} - \frac{1}{2} \right) \cdot \frac{2}{11} - 0,25$

e) $2\frac{1}{2} - \frac{7}{11} \cdot \left(\frac{3}{14} + \frac{4}{7} \right)$

f) $\left(\frac{3}{4} - 0,25 \right) : \frac{1}{2} + 1\frac{1}{2}$

Bài 3: Thực hiện phép tính:

a) $12,5 \cdot 0,4 + 15,6 : 3$

c) $6,3 \cdot 0,16 + 6,3 \cdot 9,84 - 23$

e) $-16 : (11,23 - 13,23) + 8,4$

b) $3,8 - 9,1 : 0,7 + (-0,8)$

d) $11,2 + 3,24 \cdot 0,25 - 11,2$

f) $-15 : (10,21 - 13,21) - 2,4$

Bài 4: Tính nhanh:

a) $\frac{5}{7} + \frac{-3}{8} + \frac{2}{7} + \frac{-5}{8}$

c) $\frac{1}{3} \cdot \frac{5}{7} + \frac{1}{3} \cdot \frac{2}{7} - \frac{5}{6}$

e) $\frac{3}{8} \cdot \frac{7}{11} + \frac{3}{8} \cdot \frac{6}{11} - \frac{3}{8} \cdot \frac{2}{11}$

b) $\frac{4}{11} + \frac{-5}{8} + \frac{7}{11} - \frac{3}{8}$

d) $\frac{2}{5} \cdot \frac{7}{11} + \frac{2}{5} \cdot \frac{4}{11} - \frac{3}{5}$

f) $\frac{-7}{15} \cdot \frac{7}{13} + \frac{-7}{15} \cdot \frac{8}{13} - \frac{-7}{15} \cdot \frac{2}{13}$

DẠNG 2: TOÁN ĐÓ:

Bài 1: Một lớp 6A có 40 học sinh gồm ba loại: giỏi, khá và trung bình. Số học sinh khá chiếm $\frac{3}{10}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh giỏi bằng $\frac{5}{7}$ số học sinh còn lại (học sinh còn lại gồm: học sinh giỏi, học sinh trung bình). Tính số học sinh mỗi loại của lớp.

Bài 2: Lớp 6B có 50 học sinh. Khi sơ kết học kì I, đánh giá kết quả học tập của học sinh lớp 6B được xếp thành 3 loại gồm: Tốt, Khá, Đạt. Số học sinh Tốt chiếm $\frac{2}{5}$ số học sinh cả lớp, số học sinh Tốt của lớp bằng $\frac{10}{3}$ số học sinh Khá. Tính số học sinh mỗi loại của lớp 6B?

Bài 3: Lớp 6 của một trường THCS có 36 học sinh, kết quả kiểm tra học kì I môn toán gồm ba loại Giỏi, khá và trung bình. Biết số học sinh giỏi chiếm $\frac{5}{9}$ cả lớp. Số học sinh khá chiếm $\frac{3}{8}$ số học sinh còn lại (số học sinh còn lại gồm 2 loại: khá và trung bình). Tính số học sinh mỗi loại?

Bài 4: Một lớp có 42 học sinh gồm 3 loại: giỏi, khá, trung bình. Số học sinh khá chiếm $\frac{3}{7}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh giỏi bằng $\frac{7}{11}$ số học sinh còn lại (học sinh còn lại gồm: học sinh giỏi, học sinh trung bình). Tính số học sinh mỗi loại của lớp.

Bài 5: Trong dịp Tết Nguyên Đán, bạn An được tổng cộng 3000000 tiền lì xì. An dùng $\frac{1}{3}$ tổng số tiền để dành tiết kiệm, $\frac{2}{5}$ tổng số tiền để mua đồ dùng học tập, số còn lại dùng để mua một số đồ dùng cá nhân. Tính số tiền An để dành tiết kiệm và số tiền An dùng để mua đồ dùng học tập

Bài 6: Một cửa hàng có 120 kg gạo. Buổi sáng cửa hàng bán được $\frac{1}{3}$ số gạo đó. Buổi chiều cửa hàng bán tiếp $\frac{2}{5}$ số gạo còn lại. Tính số kg gạo cửa hàng còn lại sau hai buổi bán?

Bài 7: Một túi kẹo có 35 viên kẹo. Các viên kẹo trong túi được bọc bằng ba loại giấy có màu khác nhau: Đỏ, vàng và xanh. Biết rằng số viên kẹo màu đỏ chiếm $\frac{3}{5}$ số kẹo trong túi và số viên kẹo màu vàng chiếm $\frac{3}{7}$ số viên kẹo màu đỏ. Tính số viên kẹo mỗi loại?

Bài 8: Bác Mai bán hết 150 mét vải trong 4 ngày. Ngày thứ nhất bán được 30% tổng số mét vải, ngày thứ hai bán được $\frac{7}{30}$ tổng số mét vải

- a) Tính số mét vải bán được trong ngày thứ nhất, số mét vải bán được trong ngày thứ hai?
- b) Biết số mét vải bán trong ngày thứ nhất bằng $\frac{9}{8}$ số mét vải bán trong ngày thứ ba. Tính số mét vải bán trong ngày thứ tư?

Bài 9: Bác Hoa thu hoạch được 120kg Thanh long và đem đi bán. Ngày thứ nhất: bác Hoa đã bán được $\frac{3}{5}$ số Thanh long bác đã thu hoạch được, ngày thứ hai bán được $\frac{1}{4}$ số Thanh long bác đã bán được trong ngày đầu

- a) Tính khối lượng Thanh long bác Hoa bán trong ngày thứ nhất, ngày thứ hai
- b) Biết $\frac{6}{5}$ số Thanh long bán được trong ngày thứ ba là 18 kg. Hỏi sau ba ngày đầu đi bán, bác Hoa còn lại bao nhiêu kilogam Thanh long?

DẠNG 3: LÀM TRÒN SỐ - ƯỚC LƯỢNG KẾT QUẢ:

Bài 1: Làm tròn số 354,6783 đến hàng phần trăm và ước lượng kết quả phép nhân $31,2 \cdot 19,8$ bằng cách làm tròn các thừa số đến hàng đơn vị.

Bài 2: Đường thủy từ thành phố Hồ Chí Minh đến từ Trường Sa dài 360.3 hải lí. Đổi quãng đường thủy đó ra kilomet (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai), biết 1 hải lí ≈ 1.852 km

Bài 3: Chia đều một thanh gỗ dài 6,32m thành bốn đoạn bằng nhau. Tính độ dài mỗi đoạn gỗ (làm tròn kết quả tới hàng phần chục)

Bài 4: Một cửa hàng có 6,6 lít dầu. Người ta chia đều số dầu đó vào 4 chai, rồi mỗi chai được thêm 0,48 lít dầu. Hỏi mỗi chai có bao nhiêu lít dầu? (làm tròn đến hàng phần mười)

Bài 5: Một nhóm gồm 6 bạn học sinh có cân nặng như sau: An và Bình cùng nặng 45,5 kg; Minh và Hòa cùng nặng 47kg; Bông nặng 54kg; Hoa nặng 65kg. Tính số cân nặng trung bình của 1 người trong nhóm học sinh trên? (làm tròn kết quả tới 1 chữ số thập phân)

Bài 6: Bạn Hà đi bộ từ nhà đến trường. Bạn đã đếm số bước chân của mình khi đi hết quãng đường từ bắt đầu ra khỏi nhà đến đúng cổng trường được 7258 bước. Bạn bước 10 bước như vậy thì cũng vừa hết chiều rộng 5,2 m của lớp học. Hỏi quãng đường từ nhà Hà đến trường dài khoảng bao nhiêu km (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai).

Bài 7: Bạn Hoa mang theo 250000 đồng đi mua đồ. Bạn cần mua 2 ly trà sữa và 5 cái bánh ngọt. Biết giá một ly trà sữa là 48000 đồng, giá một cái bánh ngọt là 26000 đồng. Không tính chính xác, hãy ước lượng xem bạn Hoa có đủ tiền để mua hay không?

Bài 8: Mẹ cho An 150 000 đồng để mua đồ dùng học tập, An dự định mua 15 quyển vở, 5 chiếc bút bi và 10 chiếc bút chì. Giá của một quyển vở, một chiếc bút bi, một chiếc bút chì lần lượt là 5 400 đồng, 2 800 đồng và 3 000 đồng. Em hãy ước lượng xem An có đủ tiền để mua đồ dùng học tập theo dự định không?

Bài 9: Kết thúc học kỳ 1, bảng điểm môn Toán của bạn An được ghi lại như sau:

Điểm đánh giá thường xuyên				Điểm đánh giá giữa kì 1	Điểm đánh giá cuối kì 1
10	9	8	10	9,5	8,8

Tính điểm trung bình học kỳ 1 môn Toán của bạn An? (kết quả quy tròn đến hàng phần mười)

Bài 10: Hết học kỳ I, điểm số môn Toán của bạn Nhi như sau:

Hệ số 1 (kiểm tra thường xuyên)				Hệ số 2 (kiểm tra giữa kỳ)	Hệ số 3(kiểm tra cuối kỳ)
10	8,5	9,3	7	9	9,3

Em hãy tính điểm trung bình môn Toán học kỳ I của bạn Nhi (làm tròn đến hàng phần mười)

DẠNG 4: TOÁN TƯ DUY:

Bài 1: Ở học kỳ I, số học sinh giỏi của lớp 6A bằng $\frac{2}{7}$ số học sinh còn lại. Sang học kỳ II, số học sinh giỏi tăng thêm 8 bạn, nên số học sinh giỏi bằng $\frac{2}{3}$ số học sinh còn lại. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh?

Bài 2: Số HS vắng mặt bằng $\frac{1}{14}$ số HS có mặt. Nếu 2 HS ra khỏi lớp thì số vắng mặt bằng $\frac{1}{8}$ số có mặt. Hỏi lớp ấy có tất cả bao nhiêu học sinh?

Bài 3: Một người mang đi bán một rổ trứng. Sau khi bán $\frac{5}{6}$ số trứng và 1 quả thì số trứng còn lại là 4 quả. Tính số trứng mang đi bán

Bài 4: Một người mang 1 sọt cam đi bán, sau khi bán được $\frac{3}{7}$ số cam và 2 quả thì còn lại là 30 quả. Tính số cam người ấy mang đi bán

Bài 5: Một người đã bán được 85 quả trứng, vừa trứng gà vừa trứng vịt, trong đó trứng gà chiếm 40% tổng số trứng. Biết giá bán một quả trứng gà là 2500 đồng, giá bán một quả trứng gà bằng $\frac{5}{6}$ giá bán một quả trứng vịt. Hỏi người bán trứng thu được tất cả bao nhiêu tiền?

Bài 6: Ba bạn An, Bình và Cường cùng tham gia một cuộc thi đọc sách. Số trang sách An đọc được bằng $\frac{3}{5}$ số trang của Bình. Số trang Cường đọc được bằng $\frac{4}{3}$ số trang của An. Tổng số trang sách cả ba bạn đọc được là 240 trang. Hỏi mỗi bạn đã đọc được bao nhiêu trang sách?

Bài 7: Một đội công nhân làm xong con đường trong 3 ngày. Ngày thứ nhất làm được $\frac{1}{3}$ chiều dài con đường. Ngày thứ hai làm được 60% chiều dài con đường còn lại. Ngày thứ ba làm xong nốt 120 mét con đường. Hỏi con đường đội công nhân làm dài bao nhiêu mét?

Bài 8: Bạn An có một quyển sách rất hay. Ngày thứ nhất bạn đọc được $\frac{1}{6}$ số trang, ngày thứ hai bạn đọc $\frac{4}{15}$ số trang còn lại (sau khi đọc xong ngày thứ nhất). Sau hai ngày đọc thì quyển sách còn 55 trang. Hỏi ban đầu quyển sách có bao nhiêu trang?

Bài 9: Nhân dịp lễ 30/4 - 1/5 một cửa hàng thời trang có chương trình khuyến mãi giảm giá cho tất cả các sản phẩm. Cô Vy muốn mua một cái áo có giá niêm yết là 120 000 đồng và được giảm giá 8%

a) Cô Vy phải trả bao nhiêu tiền để mua cái áo trên?

b) Cô Vy mua thêm một cái túi xách có giá sau khi giảm là 240 000 đồng. Hỏi cô Vy phải trả bao nhiêu tiền khi mua cái áo và túi xách?

Bài 10: Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt triển khai chương trình giảm 40% giá vé tàu đối với hành khách là người có công với cách mạng. Trong thời gian giảm giá, Bác Năm là cựu chiến binh, đã đặt mua một vé tàu đi từ Nha Trang tới TP HCM với giá niêm yết 1 025 000 đồng

a) Hỏi bác Năm phải trả bao nhiêu tiền cho vé tàu đã mua?

b) Bác Năm đưa cho cô bán vé 1 000 000 đồng. Hỏi bác Năm được trả lại bao nhiêu tiền?

Bài 11: Một cửa hàng thời trang giảm giá 20% cho các sản phẩm quần áo và 10% cho sản phẩm túi xách. Chị Thanh đã mua một chiếc túi xách có giá niêm yết là 960 000 đồng và hai cái áo. Khi thanh toán, chị Thanh phải trả thêm tiền thuế giá trị gia tăng VAT được tính bằng 10% tổng số tiền hàng. Biết chị Thanh phải trả cho cửa hàng 1 478 400 đồng

a) Tính tổng số tiền của hai cái áo và một túi xách (khi chưa tính thuế)?

b) Tính giá niêm yết của một cái áo?

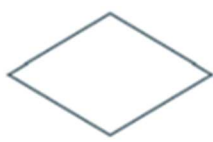
DẠNG 5 (NHẬN DẠNG HÌNH): TÂM ĐỐI XỨNG – TRỤC ĐỐI XỨNG

Bài 1:

1) Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng. Hình nào sau đây có tâm đối xứng.



Hình 1



Hình 2



Hình 3

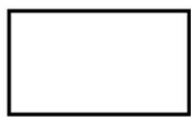


Hình 4

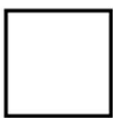
2) Em hãy vẽ lại hình thang cân và xác định trục đối xứng của hình.

Bài 2:

1) Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng. Hình nào sau đây có tâm đối xứng.



H1) Hình chữ nhật



H2) Hình vuông



H3) Hình tim



H4) Hình thang cân

2) Em hãy vẽ lại hình vuông và xác định tâm đối xứng của hình.

Bài 3:

1) Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng? Hình nào sau đây có tâm đối xứng?



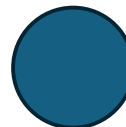
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

2) Em hãy vẽ lại hình tam giác đều và xác định trục đối xứng của hình.

Bài 4:

1) Kể tên hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng.



Tam giác đều



Hình vuông



Hình bình hành

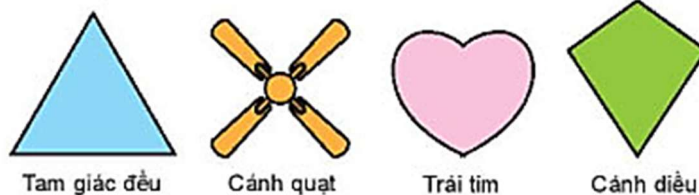


Hình thang cân

2) Vẽ lại hình chữ nhật và xác định tâm đối xứng của hình chữ nhật

Bài 5:

1) Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng, hình nào có tâm đối xứng.



2) Em hãy vẽ lại hình chữ nhật cho dưới đây và vẽ trục đối xứng của hình chữ nhật đó.

Bài 6:

1) Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng? Hình nào sau đây có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

2) Em hãy vẽ lại hình thang cân sau và xác định trục đối xứng của hình.

Bài 7:

1) Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng, hình nào có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

2) Vẽ lại hình vuông và xác định tâm đối xứng của hình vuông

Bài 8:

1) Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng, hình nào có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

2) Vẽ lại hình chữ nhật và xác định tâm đối xứng của hình chữ nhật

DẠNG 6: ĐIỂM – ĐƯỜNG THẲNG – TIA – ĐOẠN THẲNG

Bài 1: Vẽ đường thẳng xy . Lấy điểm O thuộc đường thẳng xy . Lấy điểm A thuộc tia Ox , điểm B thuộc tia Oy sao cho $OA = 3\text{ cm}$, $OB = 3\text{ cm}$.

Bài 2: Vẽ hình theo cách diễn đạt bằng lời sau (Vẽ trên cùng 1 hình)

- + Vẽ đường thẳng m . Lấy $C \in m, E \in m$. Lấy $H \notin m$.
- + Vẽ tia EH . Vẽ đoạn thẳng CH .
- + Vẽ tia Cy cắt tia EH tại M sao cho H nằm giữa E và M .
- + Vẽ tia Hx cắt đoạn CE tại trung điểm K của đoạn CE .

Bài 3: Vẽ hình theo cách diễn đạt sau:

- + Trên đường thẳng m lấy 2 điểm A, B . Vẽ điểm C nằm ngoài đường thẳng m
- + Vẽ đường thẳng AC , đoạn thẳng BC .
- + Vẽ tia Bx cắt đường thẳng AC tại điểm E nằm giữa 2 điểm A và C

Bài 4: Vẽ hình theo cách diễn đạt bằng lời sau (Vẽ trên cùng 1 hình)

- + Vẽ đường ba điểm A, B, C không thẳng hàng.
- + Vẽ tia AB . Vẽ đoạn thẳng AC và đường thẳng BC .
- + Vẽ tia Ax cắt đoạn thẳng BC tại điểm D nằm giữa hai điểm B và C .

Bài 5: Vẽ hình theo cách diễn đạt sau(tất cả vẽ chung một hình):

- + Vẽ 3 điểm K, F, C không thẳng hàng
- + Vẽ tia KF , đường thẳng KC , đoạn thẳng CF
- + Lấy điểm A sao cho C nằm giữa A và K

Bài 6: Học sinh vẽ hình theo cách diễn đạt bằng lời sau: (vẽ trên cùng một hình)

- + Vẽ đường thẳng xy , lấy điểm A thuộc đường thẳng xy
- + Lấy điểm M nằm ngoài đường thẳng xy , vẽ tia AM .
- + Lấy điểm N thuộc tia Ax (N khác A), vẽ đoạn thẳng MN .
- + Vẽ điểm K là trung điểm của đoạn thẳng MN .

Bài 7: Vẽ hình theo các yêu cầu sau: Vẽ 3 điểm A, B, C không thẳng hàng.

- + Vẽ tia AB ; đường thẳng AC và đoạn thẳng BC .
- + Vẽ điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB .
- + Vẽ điểm E bất kỳ thuộc đoạn thẳng BC (E khác B và C).
- + Trên tia đối của tia AE lấy điểm O sao cho A là trung điểm của đoạn thẳng OE .
- + Vẽ điểm F là giao điểm của tia OM và đoạn thẳng BC .

Bài 8: Vẽ hình theo cách diễn đạt bằng lời sau:

- + Vẽ đoạn thẳng $AB = 4\text{ cm}$
- + Vẽ điểm C sao cho 3 điểm A, B, C không thẳng hàng

- + Vẽ tia AC, đường thẳng BC
- + Vẽ điểm D sao cho 3 điểm B, C, D thẳng hàng và điểm C nằm giữa 2 điểm B và D
- + Vẽ điểm I sao cho I là trung điểm của AB

DẠNG 7 (HÌNH HỌC): TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG

Bài 1. Cho đoạn thẳng $CD = 8\text{cm}$. Lấy điểm I nằm giữa 2 điểm C và D sao cho $CI = 4\text{cm}$.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng ID
- b) Chứng tỏ điểm I là trung điểm của đoạn thẳng CD.
- c) Gọi điểm M là trung điểm của đoạn thẳng ID. Tính MD ?

Bài 2: Cho đoạn thẳng $AB = 12\text{cm}$ và điểm M nằm giữa A và B sao cho $BM = 6\text{cm}$.

- a) Tính độ dài đoạn AM.
- b) Điểm M có là trung điểm của AB không? Vì sao?
- c) Gọi O là trung điểm của MB. Tính độ dài đoạn thẳng OM

Bài 3: Cho đoạn thẳng $AC = 4\text{cm}$. Điểm O nằm giữa 2 điểm A và C sao cho $AO = 2\text{cm}$.

- a) Tính OC
- b) Chứng tỏ điểm O là trung điểm của đoạn thẳng AC.
- c) Gọi điểm I là trung điểm của đoạn thẳng OC. Tính IC

Bài 4: Cho đoạn thẳng $AB = 8\text{ cm}$. Gọi M là một điểm nằm giữa A và B sao cho $AM = 4\text{ cm}$.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng MB.
- b) Điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?
- c) Lấy I là trung điểm của AM. Tính độ dài IB.

Bài 5: Trên tia Ox vẽ điểm A nằm giữa hai điểm O và B sao cho $OA = 3\text{cm}$ và $OB = 6\text{cm}$.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng AB.
- b) Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB không? Vì sao?
- c) Lấy M là trung điểm của đoạn thẳng AB. Tính độ dài AM.

Bài 6: Trên tia Ox lấy điểm C nằm giữa hai điểm O và D sao cho $OC = 4\text{cm}$, $OD = 8\text{cm}$.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng CD?
- b) Điểm C có là trung điểm đoạn thẳng OD không? Vì sao?
- c) Gọi điểm T là trung điểm của đoạn thẳng CD. Tính độ dài đoạn thẳng TC?

Bài 7: Vẽ đoạn thẳng $MN = 8\text{cm}$. Lấy điểm A nằm giữa hai điểm M và N sao cho $MA = 4\text{cm}$.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng AN.
- b) Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng MN không? Vì sao?
- c) Lấy O là trung điểm của đoạn thẳng AN. Tính độ dài AO.

Bài 8: Cho đoạn thẳng $MN = 10\text{cm}$. Lấy điểm I nằm giữa 2 điểm M và N sao cho $MI = 5\text{cm}$.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng IN

- b) Chứng tỏ điểm I là trung điểm của đoạn thẳng MN.
- c) Gọi điểm K là trung điểm của đoạn thẳng IN. Tính IK ?

Bài 9: Vẽ đoạn thẳng $AB = 10\text{cm}$. Lấy điểm M nằm giữa hai điểm A và B sao cho $AM = 5\text{cm}$.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng BN.
- b) Điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng AB không? Vì sao?
- c) Lấy O là trung điểm của đoạn thẳng BM. Tính độ dài BO.

CHÚC CÁC EM THI THẬT TỐT !